

ÔNG NGUYỄN VĂN HUY

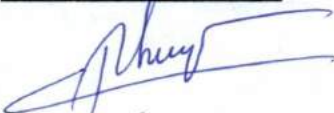
**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy**

Sóc Trăng, tháng 12 năm 2023

ÔNG NGUYỄN VĂN HUY

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy**

CHỦ TRANG TRẠI


Nguyễn Văn Huy

Sóc Trăng, tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH SÁCH BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH.....	v
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	4
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	8
5.1. Quá trình xây dựng trang trại	8
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	8
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị.....	15
5.4. Tổ chức quản lý của cơ sở.....	16
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẴNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	16
2. Sự phù hợp của dự án với khả năng chịu tải của môi trường.....	16
2.1. Đánh giá chung	16
2.1.1. Vị trí nguồn tiếp nhận.....	18
2.1.2. Đặc điểm, hiện trạng nguồn tiếp nhận.....	16

2.1.3. Khai thác, sử dụng nguồn tiếp nhận.....	16
2.1.4. Mô tả các đối tượng xả thải vào nguồn tiếp nhận xung quanh khu vực cơ sở.....	16
2.1.5. Đánh giá các tác động có thể xảy ra đối với nguồn tiếp nhận từ hoạt động xả nước thải.....	16
2.2. Đánh giá chi tiết.....	16
2.2.1. Xây dựng số liệu, kịch bản tính toán.....	19
2.2.2. Tính toán, đánh giá khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận.....	22
2.2.3. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	24
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	27
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	27
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	27
1.2. Thu gom, thoát nước thải	19
1.3. Xử lý nước thải	19
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	36
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường.....	27
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	36
3.2. Chất thải rắn chăn nuôi.....	37
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại	39
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	41
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố	42
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải	42
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải.....	42
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh	43
6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	45
7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác	45

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	45
---	----

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....46

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	46
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	47
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	48
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải	48

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ...51

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	51
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	51
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình báo cáo.....	51

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....53

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	53
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	53
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải	53
2. Chương trình quan trắc môi trường.....	55
2.1. Quan trắc nước thải.....	55
2.1. Quan trắc nước mặt.....	55
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	56

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....56

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....58

PHỤ LỤC BÁO CÁO60

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1. Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở.....	1
Bảng 2. Thuốc sử dụng cho công tác phòng bệnh.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 3. Lượng nước sử dụng cho cơ sở.....	7
Bảng 4. Các hạng mục công trình của cơ sở	9
Bảng 5. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	14
Bảng 6. Danh mục các hạng mục của quy trình xử lý nước thải	Error! Bookmark not defined.
Bảng 7. Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 8. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	30
Bảng 9. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép.....	36
Bảng 10. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép.....	37
Bảng 11. Giới hạn tiếng ồn, độ rung	38
Bảng 12. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở	39
Bảng 13. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	40
Bảng 14. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.....	42
Bảng 15. Dự kiến thời gian lấy mẫu.....	42
Bảng 16. Kế hoạch lấy và phân tích mẫu nước thải.....	43
Bảng 17. Tổng kinh phí giám sát môi trường	45

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí tọa độ các điểm không chế và tứ cận của cơ sở.....	2
Hình 2. Quy trình nuôi gà thịt tại trang trại.	Error! Bookmark not defined.
Hình 4. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	21
Hình 5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn.....	22
Hình 6. Vị trí thoát nước thải sinh hoạt của cơ sở	Error! Bookmark not defined.
Hình 7. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở.....	24

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BGTVT	Bộ Giao thông vận tải
BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
NĐ – CP	Nghị định Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quốc Hội
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TT	Thông tư
TTLT	Thông tư liên tịch
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

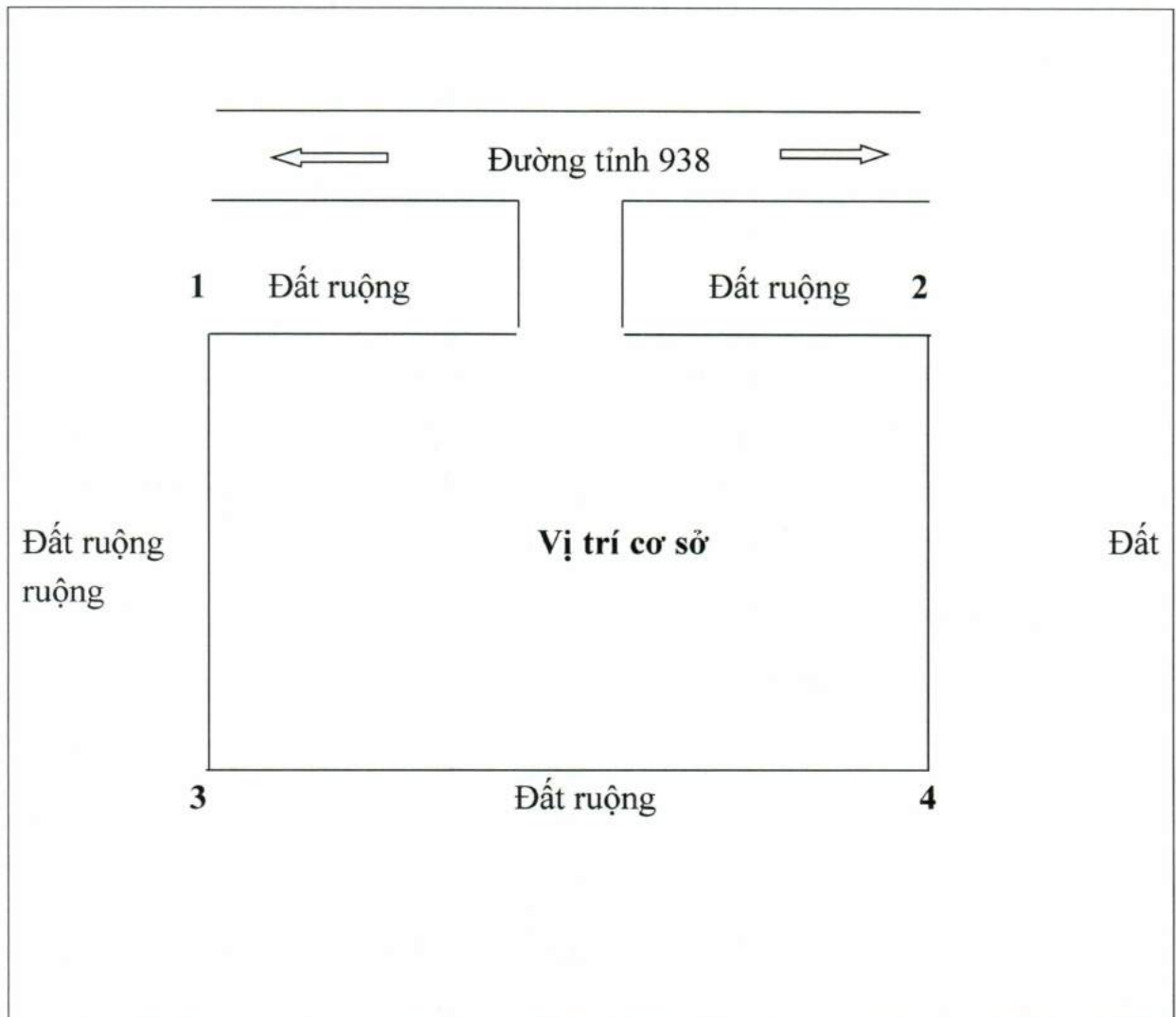
- Tên chủ cơ sở: Ông Nguyễn Văn Huy
- Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- Điện thoại: 0977.959.787

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy.
- Địa điểm hoạt động: Cơ sở tọa lạc tại Ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, diện tích đất thực hiện cơ sở là 22.463,4 m².
- Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:
Phía Đông: Giáp đất ruộng;
Phía Nam: Giáp đất ruộng;
Phía Tây : Giáp đất ruộng;
Phía Bắc : Giáp đường tỉnh lộ 938.

Bảng 1.1 Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở

STT	Vị trí	Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000), kinh tuyến trực 105 ⁰ 30', múi chiều 6 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	A	0540853	1062937
2	B	0540856	1062859
3	C	0540860	1062958
4	D	0540877	1063006



Hình 1.1 Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở



Hình 2: Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh

- Vị trí của cơ sở được bao quanh bởi đất trồng lúa và kênh rạch, xa khu dân cư, trường học. Cơ sở nằm cách đường 938 khoảng 130 m theo hướng Bắc. Cách chợ Bò Thảo khoảng 2,5 km, cách Siêu thị Điện máy Xanh trên đường tỉnh lộ 938 khoảng 1,85 km, cách Trường THPT Mỹ Hương 2,61 km, cách Chùa niệm Phật đường Thường Lạc khoảng 1,67 km. Nhìn chung vị trí cơ sở nhìn chung thuận lợi về mặt giao thông đường bộ, cách khá xa các đối tượng kinh tế xã hội.

- Các đối tượng xung quanh có khả năng bị tác động bởi cơ sở: khu vực xung quanh trang trại có mật độ dân cư trung bình, chỉ có một vài hộ dân ở gần khu vực đường vào cơ sở.

- Hiện trạng quản lý và sử dụng đất: Phần đất thực hiện cơ sở thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đính kèm theo phụ lục.*)

- Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Thủy lợi tiếp giáp trang trại.

- Quy mô: Trang trại nuôi 70.000 con gà gà thịt được chia vào 05 dãy trại nuôi, cuối mỗi vụ nuôi sẽ xuất bán gà cho các đơn vị thu mua để nuôi lấy trứng hoặc lấy thịt, mỗi đợt nuôi khoảng 45 ngày.

- Cơ sở có tiêu chí môi trường thuộc Mục I.1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 17.171,1 m².

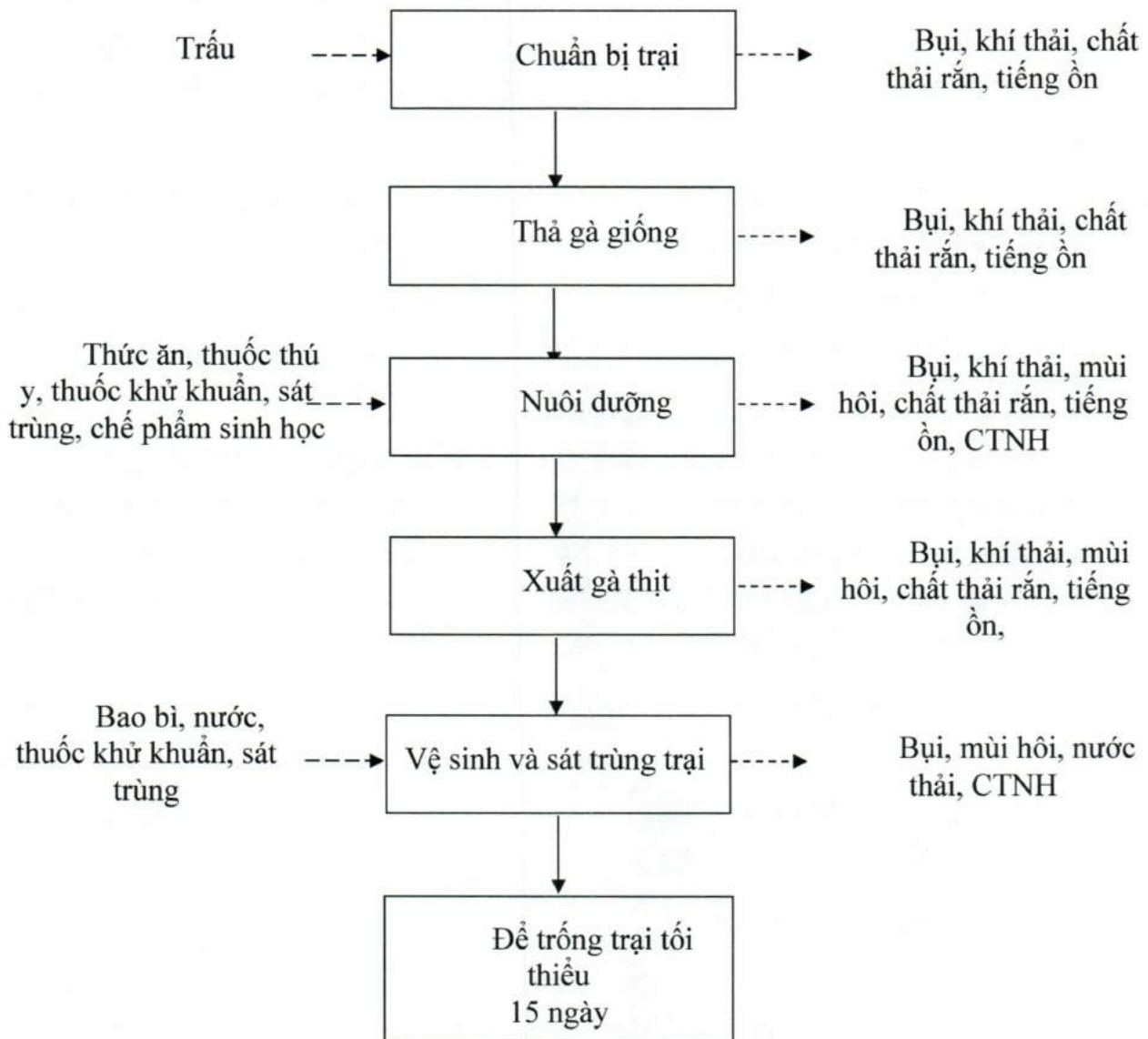
Trang trại của ông Nguyễn Văn Huy hoạt động với quy mô là 05 dãy trại gà gà thịt, số lượng gà từ 14.000 con/trại thời gian nuôi 45 ngày/đợt, sau mỗi đợt nuôi trại nghỉ 15 ngày để vệ sinh chuồng trại, chuẩn bị cho lứa gà mới. Như vậy, mỗi năm chăn nuôi 6 đợt với tổng số 420.000 con gà thịt.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Trang trại của ông Nguyễn Văn Huy chủ yếu là nuôi gia công theo hợp đồng với Công ty TNHH Japfa comfeed. Do đó, Công ty TNHH Japfa comfeed cung cấp con giống, thức ăn, thuốc tiêu độc sát trùng, kháng sinh, vắc xin,... sau thời gian nuôi Công ty sẽ tiến hành thu gom toàn bộ số gà thịt đồng thời trại sẽ tiến hành vệ sinh trại nuôi và bỏ trống khoảng thời gian 2 tuần. Công ty TNHH Japfa comfeed sẽ tiến hành cung cấp con giống, thức ăn, thuốc tiêu độc sát trùng, kháng sinh, vắc xin tương ứng cho vụ nuôi tiếp theo.

Trong thời gian nuôi Cơ sở sẽ nhận được sự hỗ trợ của Công ty TNHH Japfa comfeed về mặt kỹ thuật thường trực ngay tại mỗi trại, kiểm tra chăm sóc, hướng dẫn quy trình nuôi từ nhân viên kỹ thuật. Việc chăm sóc đàn gà theo quy trình kỹ thuật đảm bảo các điều kiện sao cho không ảnh hưởng đến năng suất cũng như sức khỏe của đàn gà.

Quy trình nuôi gà được thực hiện như sau:



Hình 1.3: Quy trình nuôi gà của cơ sở

Thuyết minh quy trình:

Quy trình chăn nuôi gà của qua các công đoạn sau:

- Chuẩn bị trại: Cơ sở sẽ thu mua trấu, đệm sinh học để lót nền trại. Chiều dày lớp trấu lót nền trại trung bình khoảng 0,08 m (khoảng 10,5kg/m² nền trại). Thời gian chuẩn bị trại khoảng 1 ngày/trại.
- Thả gà giống: chủ cơ sở thả lần lượt từng trại, cùng thời điểm.
- Nuôi dưỡng (khoảng 45 ngày/lứa): Khi thả gà giống, chủ dự án sẽ thả gà vào khu vực giới hạn đã bố trí sẵn trong trại để tiện chăm sóc.

- Trong thời gian nuôi gà, chủ cơ sở cung cấp thức ăn vào trại qua các máy cấp thức ăn tự động, cung cấp nước sạch cho gà uống qua núm uống, lượng nước cho gà uống phụ thuộc vào khối lượng gà, tối đa khoảng 150ml/con/ngày đêm.

- Tỷ lệ tiêu tốn thức ăn vào khoảng 2,3 kg/kg tăng trọng (đối với gà lông màu), trọng lượng gà khi xuất chuồng từ 2-2,1 kg/con.

- Xuất gà (1-2 ngày/trại/lứa): Thời gian thu gom gà và vận chuyển gà khỏi Cơ sở khoảng 1-2 ngày/trại/lứa. Cơ sở xuất gà lần lượt từng trại, hết trại này đến trại khác.

- Vệ sinh và sát trùng trại: Sau khi xuất hết gà, chủ cơ sở sẽ thu gom phân và chất độn nền vào bao ni lông bán cho khách hàng; sau đó cơ sở dùng nước vệ sinh nền trại, các dụng cụ chăn nuôi. Lượng trấu và phân gà thu gom vào khoảng 6 tấn/trại. Thời gian dự án thu gom phân, chất độn nền, vệ sinh nền trại, vệ sinh các dụng cụ chăn nuôi 2 ngày/trại.

- Phân, chất độn sau khi thu gom sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Sau đó sẽ tiêu độc khử trùng trại, dụng cụ chăn nuôi và để trống trại tối thiểu 15 ngày trước khi nuôi đợt gà kế tiếp.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở thực hiện nuôi gà thịt: Trọng lượng bình quân: 2-2,1 kg/con; số lượng gà nuôi trong 1 năm là 420.000 con/năm (mỗi đợt nuôi là 70.000 con/đợt nuôi và 1 năm nuôi 6 đợt). Do đó khối lượng gà thịt là 70.000 con/đợt nuôi x 2,1 kg/con x 6 đợt = 882.000 kg/năm. Sản phẩm đầu ra của cơ sở là gà thịt đạt trọng lượng xuất chuồng sẽ được Công ty TNHH Japfa comfeed thu gom lại toàn bộ.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

Chủ cơ sở sử dụng các nguyên liệu, nhiên liệu như sau:

* **Nhu cầu về con giống:** Gà thịt giống khoảng 70.000 con/đợt, được nhập từ Công ty TNHH Japfa comfeed và vận chuyển về trang trại bằng xe chuyên dụng.

*** Nhu cầu về thức ăn:** Thức ăn cho gà được cung cấp bởi Công ty TNHH Japfa comfeed. Ước tính trang trại sử dụng khoảng 525 tấn thức ăn/đợt nuôi.

*** Nhu cầu về thuốc:**

- Thuốc thú y, thuốc kháng sinh và các loại thuốc bổ sung dinh dưỡng trong quá trình chăn nuôi được Công ty TNHH Japfa comfeed. Số lượng ước tính sử dụng trong 01 đợt nuôi của trang trại: 08 lít thuốc dạng lỏng và 400 kg thuốc dạng rắn.

- Các loại chế phẩm sinh học khác dùng để xử lý nước, diệt côn trùng và khử mùi như: Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1,... khoảng 100 lít/đợt nuôi.

*** Nhu cầu cấp nước:** Nguồn nước sử dụng cho Cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất với lưu lượng khai thác 9,32 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Cơ sở đi vào hoạt động với tổng số công nhân, người lao động làm việc là 04 người. Toàn bộ công nhân là người dân địa phương sống gần trang trại nên chỉ làm việc vào ban ngày, ban đêm không có ở lại trang trại. Ngoài ra, trang trại không có nấu ăn cho công nhân nên nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt (Q_{SH}) là tương đối thấp, cụ thể như sau:

$$Q_{SH} = (04 \text{ người} * 80 \text{ lít/người/ngày đêm})/2 = 0,32 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

- Nước cấp cho các trại gà:

+ *Nước uống cho gà:* Nước dùng cho gà uống hàng ngày (Q_{NUCG}) tại Cơ sở khoảng 2,5 m³/ngày.

+ *Nước cấp cho hệ thống làm mát:* Hệ thống làm mát được lắp đặt ở cuối mỗi trại là 08 cái quạt hút nhằm tạo điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho sự tăng trưởng của đàn gà. Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát ở mỗi trại là 0,4 m³/ngày. Vậy lượng nước Cơ sở cung cấp cho hệ thống làm mát ở cả 05 trại (Q_{LM}) là 04m³/ngày.

+ *Nước vệ sinh chuồng trại cuối đợt nuôi:* 12,5 m³ (2,5 m³/dãy chuồng x 05 dãy chuồng = 12,5 m³).

Bảng 2. Lượng nước sử dụng cho cơ sở

STT	Nhu cầu sử dụng nước	Đơn vị tính	Số
-----	----------------------	-------------	----

1	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngày đêm	0,32
2	Nước làm mát	m ³ /ngày đêm	04
3	Nước cấp cho gà uống	m ³ /ngày đêm	2,5
4	Nước vệ sinh chuồng trại cuối đợt nuôi	m ³ /đợt	12,5

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

*** Nhu cầu về điện:**

Nguồn điện lấy từ điện lưới quốc gia tại khu vực, lượng điện năng tiêu thụ khoảng 500 KWh/ngày; được sử dụng phục vụ chăn nuôi và sinh hoạt, gồm các thiết bị như: bơm điều khiển nhiệt độ tự động, quạt gió, bơm nước, đèn chiếu sáng...

*** Nhu cầu về hóa chất:**

- Chlorine dùng khử trùng nước khoảng: 05 kg/năm.
- Formol dùng sát khuẩn, khử trùng chuồng trại khoảng 20 lít/năm.
- Vôi bột dùng khử trùng chuồng trại: khoảng 0,7 tấn/năm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Quá trình xây dựng trang trại:

Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy ban đầu được đầu tư xây dựng vào năm 2010 với quy mô 40.000 con và đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án “Trang trại chăn nuôi gà trường thịnh” tại Quyết định số 937/QĐHC-UBND ngày 01/9/2010; đã được cấp Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của cơ sở tại Giấy xác nhận số 803/GXN-STNMT, ngày 18/7/2013.

Tháng 07/2023, bà Lê Thị Thu Hiền đầu tư chăn nuôi 02 dãy trại với quy mô 18.000 con gà và đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy phép môi trường số 04/GPMT-UBND, ngày 07/7/2023; do không có nhu cầu tiếp tục chăn nuôi nên bà Lê Thị Thu Hiền chuyển nhượng lại 02 dãy trại nuôi cho ông Nguyễn Văn Huy. Do có nhu cầu phát triển quy mô để góp phần phát triển kinh tế địa phương nên Trại chăn nuôi xin tăng quy mô lên 70.000 con gà thịt/đợt nuôi để đáp ứng nhu cầu thị trường.

Căn cứ điểm d, khoản 14, điều 168 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, chủ cơ sở lập thủ tục và xin phép UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét cấp Giấy phép môi trường cho trang trại để trang trại có thể tiếp tục hoạt động chăn nuôi với quy mô: 70.000 con gà/đợt nuôi. Mỗi đợt nuôi khoảng 45 ngày.

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở:

Tổng diện tích của cơ sở là 17.171,1m², gồm các hạng mục như sau:

Bảng 3. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Hạng mục chính			-
01	Trại 1,2,3	03	3.816	Đã xây dựng
02	Trại 4,5	02	3.600	
03	Kho chứa thức ăn	01	70	
II	Hạng mục phụ trợ			
1	Văn phòng, nhà ăn		60	Đã xây dựng
2	Cây xanh		2.132	Đã xây dựng
3	Ao cá	04	2.760	Đã xây dựng
4	Đường nội bộ, sân bãi, đất trống, hàng rào và các hạng mục khác	01	3.516,1	Đã xây dựng
5	Hệ thống cấp nước	01	20	Đã xây dựng
6	Hệ thống cấp điện	01	10	Đã xây dựng
7	Hệ thống tiếp đất và bảo vệ chống sét	01	-	Đã xây dựng
8	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	01	-	Đã xây dựng
III	Hạng mục bảo vệ môi trường			
1	Kho chất thải nguy hại	01	9	Đã xây dựng
2	Nhà vệ sinh	01	10	Đã xây dựng
3	Hệ thống ống thu gom nước thải	5	10	Đã xây dựng

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
4	Hầm Biogas	02	8	Đã xây dựng
5	Ao sinh học	01	100	Đã xây dựng
6	Bể khử trùng nước thải	01	01	Đã xây dựng
7	Khu vực xử lý gia cầm chết không do dịch	01	50	Đã xây dựng
8	Khu vực xử lý gia cầm chết do dịch bệnh	01	1000	Sử dụng khi có dịch bệnh
Tổng cộng			17.171,1	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

*** Mô tả chi tiết hạng mục công trình của cơ sở:**

Hạng mục công trình chính

- **Trại nuôi gà:** Bao gồm 05 dãy trại nuôi, tổng diện tích 05 dãy trại nuôi là 7.416 m².

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 60cm, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách và được phủ màn bạt xung quanh trại.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- **Kho thức ăn:** Tổng diện tích là 70 m² được xây dựng liền kề ở đầu trại.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Hạng mục công trình phụ trợ

- **Văn phòng, nhà ăn**

Diện tích 60m².

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm; cửa đi, cửa sổ khung sắt lắp kính.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- Hệ thống cây xanh

Diện tích 2.000m².

Cây xanh được bố trí trồng dọc theo tuyến đường chính và xung quanh cơ sở nhằm tạo cảnh quan cho dự án. Cây xanh được trồng ở xung quanh cơ sở nhất là khu vực cuối hướng gió sau các quạt hút của các dãy trại tạo nên vùng đệm cây xanh che chắn và hấp thụ bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Ao cá

Diện tích 2.760 m².

Khuôn viên Cơ sở gồm 04 ao cá được thả nuôi một số loài cá để góp phần tăng cường thêm chất lượng bữa ăn cho công nhân tại Trại gà. Ngoài ra ao cá còn tận dụng để lưu chứa nước mưa chảy tràn khu vực dự án.

- Đường nội bộ, sân bãi, đất trồng, hệ thống hàng rào

Diện tích 3.516,1 m².

Đường nội bộ và sân bãi được tráng nền xi măng liên kết ở đầu mỗi trại, kết cấu thiết kế:

+ Bề rộng mặt đường bê tông: 4 m

+ Bó vỉa bê tông thiết kế cho các loại xe hai bánh, xe đẩy di chuyển qua lại dễ dàng.

Hệ thống sân và đường nội bộ của dự án được làm bằng xi măng, cát, đá 1x2 vững chắc do đó hạn chế phần nào bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của dự án, góp phần giảm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

Hàng rào: Mặt trước dự án hướng đường Tỉnh 938 được xây dựng tường cao 2m, xung quanh dự án hàng rào được đổ đà, trụ bê tông sử dụng lưới B40 bao quanh.

- Khu vực xử lý nước cấp

Khu vực xử lý nước cấp được bố trí đầu dãy trại số 02 với diện tích khoảng 20m²; để xử lý nước phục vụ cho hoạt động của cơ sở.

- **Hệ thống cấp điện:** Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là điện lưới quốc gia đường dây trung áp 22KV. Để đảm bảo các thiết bị không bị hư hỏng trong trường hợp cắt điện vì nguồn điện chính bị lỗi nguồn điện khẩn cấp phục vụ hoạt động được thiết kế tự cung cấp sử dụng máy phát điện dự phòng.

- **Hệ thống tiếp đất và bảo vệ chống sét:** Đặc điểm kỹ thuật đặt ra các yêu cầu chi tiết để chống sét cho các công trình phục vụ cho hoạt động của cơ sở là lắp đặt thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất, đồng thời cũng phục vụ trong điều kiện sử dụng mái bê tông cốt thép, dầm, cột và móng có thép khi tiếp xúc thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất.

Đặc điểm kỹ thuật của phân tích chi tiết các hệ thống tiếp đất khác nhau bao gồm hệ thống TN-S, TN-C, TN-C-S, TT, TI và đưa ra yêu cầu kỹ thuật an toàn chi tiết để tiếp đất của các hệ thống khác nhau.

Tiếp đất: Các lõi vào mỗi nguồn điện đều được âm dưới đất nhiều lần. Tiếp đất cho sét và tiếp đất bảo vệ sử dụng cùng một hệ thống tiếp đất. Tất cả các thiết bị tiếp đất đều được kết nối với nhau để hình thành mạng tiếp đất.

Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- **Kho chất thải nguy hại:** Diện tích 09m², kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại có thùng chứa có nắp đậy, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- **Nhà vệ sinh:** Diện tích 10 m², kết cấu thiết kế:

- + Nền tráng bê tông dán gạch men; vách xây tường 10cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.
- + Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- **Hệ thống ống thu gom nước thải trong trại:** 05 hệ thống ống thu gom nước thải có tổng diện tích 05m^2 được bố trí tại cuối mỗi dãy chuồng nuôi với mục đích thu gom nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi.

- **Hầm ủ Biogas**

Đây là hạng mục công trình dùng để xử lý nước thải từ việc vệ sinh chuồng trại. Nước thải phát sinh từ các dãy chuồng nuôi được thu gom và theo đường ống PVC D100 chiều dài từ 10m-30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào hầm ủ biogas với thể tích 08m^3 để xử lý. Nước thải sau xử lý từ túi ủ sẽ tự chảy vào ao sinh học để thực hiện công đoạn xử lý tiếp theo.

- **Ao sinh học:** Xử lý nước thải từ hầm ủ biogas. Ao có diện tích 100m^2 , sâu 2m với thể tích 200m^3 , được lót đáy để tránh rò rỉ nước thải ra môi trường xung quanh. Trong ao được thả các loại thực vật dùng để xử lý các chất ô nhiễm có trong nước như: lục bình, bèo hoa dâu,...để xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi.

- **Bể khử trùng nước thải:** Nước thải sau khi qua các công đoạn xử lý sinh học: túi ủ biogas và ao sinh học, cần được khử khuẩn để đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Tại hố ga khử trùng nước thải được châm hóa chất khử trùng là Chlorine để sát khuẩn trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận. Thể tích của bể là: 01 m^3 .

- **Khu vực xử lý gia cầm chết khi không có dịch bệnh**

Được bố trí tại khu đất trống cạnh dãy chuồng 01 của cơ sở với diện tích khoảng 50m^2 (cách dãy chuồng nuôi 30m), xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp tuân thủ theo đúng Phụ lục 06 - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Cụ thể:

Kích thước hố: Sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m.

Chủ dự án chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn gà (1000 kg): sâu 2m x rộng 1,5m x dài 2m; lượng gà chết khoảng 1% tổng số đàn (khoảng 700 con/đợt, tương đương tối đa 1,47 tấn/đợt, khoảng 8,82 tấn/năm (tính theo gà đạt 2,1kg/con)), do đó cần diện tích $26,46\text{ m}^2$, dự án bố trí diện tích 50 m^2 để đảm bảo khoảng cách giữa các hố.

Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuchêông đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

- Khu vực xử lý gia cầm chết khi có dịch bệnh xảy ra

Chủ dự án bố trí khu vực có diện tích là 1000 m² để xử lý xác gia cầm chết khi xảy ra dịch bệnh.

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc thiết bị của cơ sở, được nêu trong bảng sau:

Bảng 4. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng thiết bị
1	Máng ăn cho gà	Bộ	2	Đã sử dụng
2	Núm uống cho gà	Bộ	2	Đã sử dụng
3	Quạt hút	Cái	40	Đã sử dụng
4	Đèn úm gà	Cái	4	Đã sử dụng
5	Máy phun nước áp lực	Cái	1	Đã sử dụng
6	Hệ thống cấp thức ăn vào trại	Hệ thống	2	Đã sử dụng
7	Bình xịt hoặc mô tơ phun hóa chất sát khuẩn, khử trùng nền trại, phương tiện giao thông,...	Bộ	1	Đã sử dụng

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2022)

5.4. Tổ chức quản lý của Cơ sở:

Chủ trang trại trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy”.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Trang trại ông Nguyễn Văn Huy góp phần phát triển nông nghiệp của tỉnh, vào mục tiêu phát triển các lĩnh vực đang được thu hút đầu tư, đóng góp quan trọng trong chiến lược và quy hoạch phát triển ngành, qua đó sẽ góp phần thúc đẩy và tạo ra sự tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, Cơ sở còn phù hợp với mục tiêu xây dựng ngành chăn nuôi trở thành ngành sản xuất lớn, tập trung, hiện đại, hiệu quả; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động ngành chăn nuôi.

Với mục tiêu này sẽ đáp ứng nhiệm vụ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Một trong những nội dung của quyết định là xác định nhiệm vụ giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải; quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; định hướng về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải rắn, nguy hại để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.

Về sự phù hợp với kế hoạch sử dụng đất: dự án hoàn toàn phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của huyện Châu Thành.

2. Sự phù hợp của dự án với khả năng chịu tải của môi trường

Lượng nước thải phát sinh rất ít chủ yếu là cuối mỗi đợt nuôi (45 ngày) mới tiến hành vệ sinh chuồng trại, dự án sử dụng máy nén xít nên lượng nước sử dụng rất ít, lưu lượng 2,5m³/đợt cho 01 trại. Tổng lượng nước phát sinh khoảng 12,5m³. Do đó cũng không tác động nhiều vào nguồn tiếp nhận là nước mặt trong kênh thủy lợi tiếp giáp với cơ sở.

Theo khoản 1 điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải,

sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ thì khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông, hồ phải được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD₅, NO₃⁻, PO₄³⁻. Đối với các thông số khác thì dựa vào quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải, mục đích sử dụng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đối với từng đoạn sông, hồ có cơ quan thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định.

Hiện tại, đối với kênh thủy lợi tiếp nhận nước thải của dự án chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải theo quy định. Vì vậy, căn cứ vào Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thông số quy định trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và QCVN 62-MT:2016/BTNMT, giá trị C_{max}, cột B với hệ số K_q = 0,9 và K_r = 1,3 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, không có thông số NO₃⁻, PO₄³⁻ các thông số thực hiện đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận là COD, BOD₅.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Tổng diện tích đất của Cơ sở là 17.171,1 m², với lượng mưa trung bình của tháng cao nhất trong năm 2021 (Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng), lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của Cơ sở vào thời điểm mưa lớn nhất được tính như sau:

$$V = Q/30 \times (1 - \psi) \times S$$

Q: lượng mưa cao nhất trong tháng (Q= 0,324m).

S: diện tích (S: 17.171,1 m²)

ψ : hệ số thấm (ψ : 0,2 theo TCN 153:2006).

$$V = 0,324/30 \times (1 - 0,2) \times 17.171,1 = 148,358\text{m}^3.$$

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích Cơ sở khoảng 148,358m³/ngày (khi có mưa lớn nhất trong tháng).

Nước mưa phát sinh được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở, cụ thể như sau:

- Đối với nước mưa từ sân bãi, đường nội bộ của cơ sở được thiết kế xây dựng có độ dốc 5% và bố trí các rãnh nhỏ thu gom nước mưa, các rãnh được bố trí dọc theo các khối nhà chính lề đường,... đảm bảo nước mưa thoát vào các Ao cá trong khuôn viên của trang trại.

- Đối với nước mưa trên mái nhà: mái nhà sẽ được lắp đặt các máng xối thu gom nước mưa thoát vào đường ống có đường kính 114 mm chảy xuống các rãnh thoát nước mưa của cơ sở, cuối cùng, nước mưa sẽ theo các rãnh thoát nước mưa thoát vào nguồn tiếp nhận:

- + 04 ao cá bao quanh cơ sở

- + Kênh thủy lợi phía sau cơ sở.

- Vị trí, phương thức thoát nước mưa và vị trí nguồn tiếp nhận nước mưa:

+ Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy.

+ Vị trí thoát nước mưa: các ao cá của trang trại và kênh thủy lợi thuộc ấp Kinh mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

(Sơ đồ thoát nước mưa được đính kèm trong phụ lục).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a) Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được dẫn vào hầm tự hoại 03 ngăn có thể tích thiết kế là $04m^3$, sau khi xử lý sẽ được dẫn vào Ao cá để tận dụng nuôi cá thông qua đường ống PVC có đường kính 90 mm, chiều dài khoảng 30 m.

b) Nước thải chăn nuôi: Nền chuồng có độ dốc từ 5% để đảm bảo việc thoát nước vào các hố thu gom nước thải được đặt cuối mỗi dãy trại có kích thước rộng 1m x dài 1m x sâu 1m được bố trí bên trong mỗi dãy chuồng, đảm bảo có thể thu gom hoàn toàn nước thải từ việc vệ sinh dãy chuồng nuôi. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D100 chiều dài từ 10m-30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào hầm Biogas để xử lý. Trong hầm ủ Biogas sẽ diễn ra quá trình điều hòa nồng độ chất bẩn, lắng các chất rắn lơ lửng và phân hủy các chất thải hữu cơ của quá trình chăn nuôi, thời gian xử lý là 30 ngày. Sau đó nước thải chảy vào ao sinh học thể tích $200m^3$ có lót bạt đáy để tiếp tục quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật và các loại thực vật (lục bình, bèo,...) có trong ao với thời gian xử lý là 9,5 ngày. Sau đó nước chảy qua hố khử trùng bằng đường ống PVC D100 chiều dài 100m, tại hố khử trùng có sử dụng Chlorine để khử trùng nước thải và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi bằng đường ống PVC D100 chiều dài 10m.

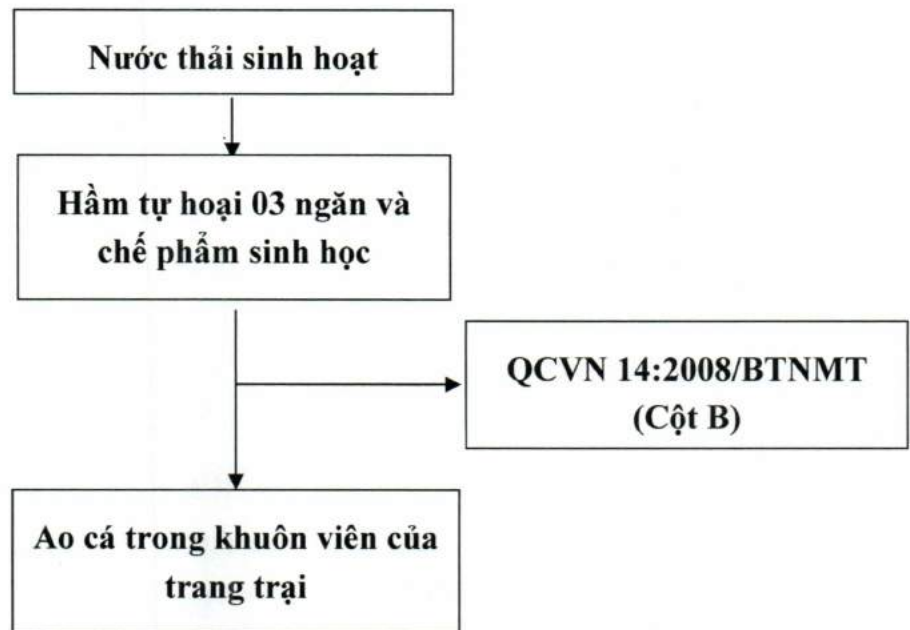
Điểm xả thải nước thải sau xử lý: Nguồn nước tiếp nhận nước thải của cơ sở là kênh thủy lợi tiếp giáp với cơ sở ở hướng Tây Nam (phía sau cơ sở). Đối với nước thải sau xử lý của cơ sở, chủ cơ sở cam kết xử lý nước đạt Quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B.

(Sơ đồ thoát nước thải được đính kèm trong phụ lục).

1.3. Xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

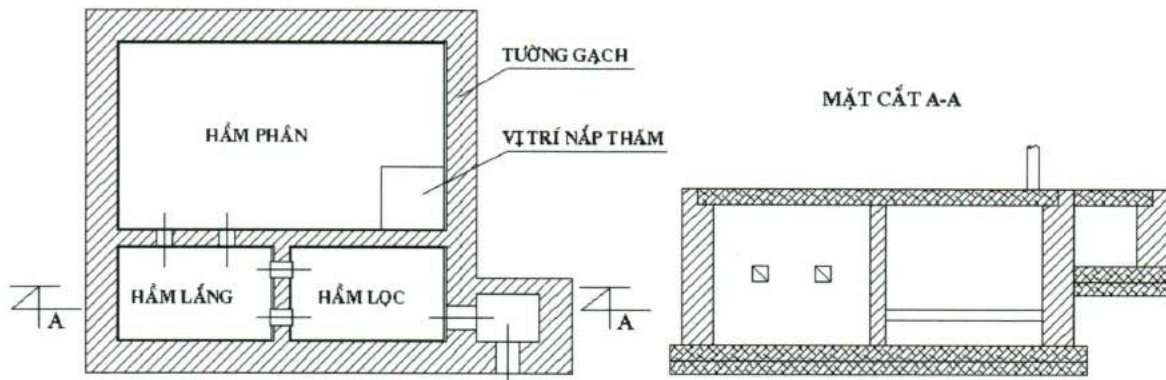
Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại cơ sở, kết hợp sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là Ao cá trong khuôn viên của cơ sở.



Hình 2. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Bể tự hoại 03 ngăn có dạng hình chữ nhật, là công trình đồng thời làm hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý các chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn rắn được giữ lại trong bể từ 80 – 85%). Trong khoảng thời gian từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 – 65% BOD và 20 – 40% cặn lơ lửng TSS. Bên cạnh đó, cơ sở còn sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.



Hình 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và phân hủy. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu, nhờ vậy hiệu suất xử lý chất ô nhiễm tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Theo Trần Đức Hạ (2006), thể tích bể tự hoại cần thiết cho hoạt động của dự án được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2 (*)$$

Trong đó:

W_1 : thể tích phần lắng cặn của bể tự hoại, $W_1 = q.N.T_1/1000$.

W_2 : thể tích phần chứa cặn và lên men cặn, W_2 được xác định bằng công thức sau: $W_2 = a.b.c(100 - p_1)N.T_2/[(100 - p_2).1000]$.

q : tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày, lấy $q = 96$ lít/ngày.

N : số người bể tự hoại phục vụ. số lượng 04 công nhân, vậy lấy $N = 04$

T_1 : thời gian nước lưu lại trong bể tự hoại, $T_1 = 3$ ngày.

a : tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày,

$a = 0,81$ lít/ngày.

b : hệ số kể đến độ giảm thể tích bể do bùn cặn nén, $b = 0,7$.

c: hệ số kể đến việc giữ lại một phần bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút, $c = 1,2$.

p_1 : độ ẩm của bùn cặn khi mới bắt đầu lắng giữ lại trong bể, $p_1 = 95\%$.

p_2 : độ ẩm của bùn cặn sau khi nén, $p_2 = 90\%$.

T_2 : thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men, $T_2 = 180$ ngày.

Như vậy, theo công thức (*) tổng thể tích bể tự hoại là $1,6 \text{ m}^3$.

Trang trại đã xây dựng hầm tự hoại với thể tích tối thiểu 03 m^3 nhằm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại kết hợp với chế phẩm sinh học đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thoát vào Ao cá trong nằm trong khuôn viên của trang trại bằng đường ống PVC có đường kính 90 mm, chiều dài khoảng 35 m.

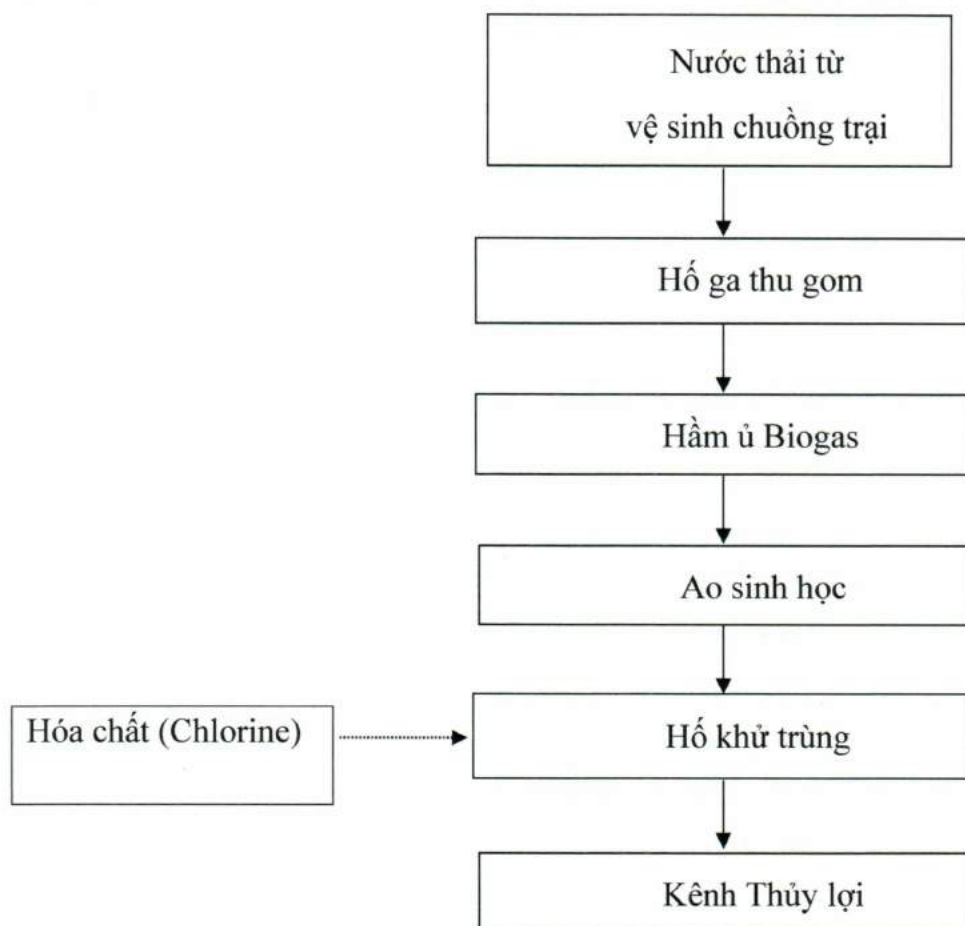
b) Nước thải chăn nuôi:

Nước thải từ vệ sinh chuồng trại phát sinh khoảng $12,5 \text{ m}^3/\text{đợt nuôi}$; do lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các trại gà là không liên tục, sau mỗi đợt nuôi vệ sinh trại 1 lần/đợt nuôi. Tuy nhiên mỗi ngày chỉ vệ sinh 01 dãy trại kéo dài trong khoảng 08 ngày nên lượng nước thải phát sinh là $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$; có thành phần chủ yếu là rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các loại vi sinh, bên cạnh đó, nước thải của trang trại có nồng độ các chất ô nhiễm thấp vì chủ yếu là vệ sinh chuồng trại. Toàn bộ lượng nước thải trên sẽ được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận là kênh Thủy lợi. Vị trí, phương thức xả nước thải của trang trại như sau:

- Vị trí xả thải: Trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy thuộc ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 6°): $X = 1063006$; $Y = 0540877$.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi (nước thải từ vệ sinh các dãy trại) được trình bày bằng sơ đồ cụ thể như sau:



Hình 4. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải

Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng ở mỗi dãy. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D100 chiều dài từ 10m-30m tùy vị trí của dãy trại chảy vào hầm Biogas để xử lý. Trong hầm ủ Biogas sẽ diễn ra quá trình điều hòa nồng độ chất bẩn, lắng các chất rắn lơ lửng và phân hủy các chất thải hữu cơ của quá trình chăn nuôi, thời gian xử lý là 30 ngày. Sau đó nước thải chảy vào ao sinh học thể tích 200m³ có lót bạt đáy để tiếp tục quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật và các loại thực vật (lục bình, bèo,...) có trong ao với thời gian xử lý là 9,5 ngày. Sau đó nước chảy qua hố khử trùng bằng đường ống PVC D100 chiều dài 100m, tại hố khử trùng có sử dụng Chlorine để khử trùng nước thải và

đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi bằng đường ống PVC D100 chiều dài 10m.

Mô tả chi tiết hệ thống

Hệ thống ống thu gom nước thải

Hệ thống ống thu gom nước thải được đặt ở cuối mỗi dãy trại để thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh sau cuối mỗi đợt nuôi; lượng nước thải thu gom sau đó theo ống tròn bằng nhựa PVC D100 vào hầm ủ Biogas để xử lý.

Hầm ủ Biogas

Nước thải từ hố thu gom theo đường ống vào hầm ủ Biogas tại đây nước thải trong môi trường yếm khí tạo điều kiện cho vi sinh vật yếm khí hoạt động. Nhờ hoạt động của hệ vi khuẩn yếm khí phân giải các hợp chất hữu cơ nhỏ thành các axit béo nhẹ và chuyển hóa thành khí sinh học. Qua đó làm giảm nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải như: BOD, COD, SS,...Phần bùn cặn của túi ủ sau quá trình xử lý sẽ được thu gom định kỳ 2 năm/lần để bón phân cho cây trồng trong khuôn viên dự án.

Ao sinh học

Nước thải sau xử lý từ hầm ủ Biogas chảy vào ao sinh học. Tại đây với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong quá trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO₂, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70% - 90%, photpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%).

Bể khử trùng

Nước thải sau khi qua các công đoạn xử lý sinh học: Hầm ủ biogas và ao sinh học cần được khử khuẩn để đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Tại bể khử trùng nước thải được châm hóa chất khử trùng là Chlorine để sát khuẩn trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

Bảng 4.19: Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích (m ³)	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Kết cấu
01	Hố gom	8	1	1 x 1 x 1	Thành và đáy bằng bê tông
02	Hầm ủ biogas	02	08	2 x 2 x 1	Bạt HDPE lót chống thấm hầm chứa độ dày 0,5mm, khối lượng riêng 0,47 kg/m ² ; - Bạt HDPE phủ bề mặt (nắp) hầm độ dày 1mm, khối lượng riêng 0,94 kg/m ² .
03	Ao sinh học	01	200	100 m ²	Ao đất, được lót bạt chống thấm toàn bộ diện tích ao. Bạt HDPE lót chống thấm độ dày 0,5mm, khối lượng riêng 0,47 kg/m ²
04	Bể khử trùng	01	01	1 x 1 x 1	Thành và đáy bằng bê tông

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H₂S, NH₃, CO₂...; Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế xây dựng các trại nuôi đảm bảo kín và bố trí 08 quạt hút ở mỗi dãy chuồng để đảm bảo không gian trong chuồng luôn phải đảm bảo được thông thoáng.
- Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thực hiện thu gom phân sau mỗi đợt nuôi không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Sử dụng các loại thuốc diệt ruồi tần suất 01 lần/tuần kết hợp hợp chất dẫn dụ để diệt ruồi hữu hiệu và rất tiện sử dụng cho trang trại chăn nuôi gia cầm.
- Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở và nhất là phía sau các quạt hút của các dãy chuồng nuôi để hạn chế bụi và mùi hôi phát tán ra xung quanh.
- Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy chuồng nuôi, định kỳ 05 ngày/lần.
- Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi.
- Đối với khí từ hầm ủ biogas: Lượng khí phát sinh không nhiều do loại hình chăn nuôi không phát sinh nhiều chất thải nên lượng khí thoát ra không đáng kể để gây tác động xấu đến môi trường xung quanh.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt ăn uống của công nhân lao động. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng: 04 người x 0,8 kg/người/ngày = 3,2 kg/ngày với thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu gồm: vỏ rau củ hư hỏng, cơm, canh, rau thừa, bao nilon, hộp giấy,... Trong đó thành phần hữu cơ chiếm tỉ lệ 70 – 80% (rau quả, thực phẩm thừa,...) và thành phần vô cơ chiếm 20 - 30% (bao nilon bẩn, hộp giấy, thủy tinh,...).

Để giảm thiểu ảnh hưởng từ chất thải rắn sinh hoạt, Chủ cơ sở bố trí khoảng 2 thùng rác 50 lít để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tập kết tại cổng của cơ sở vào mỗi buổi chiều. Sau đó, hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển đi xử lý.

3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:

- Phân gà và trấu lót nền phát sinh từ các trại sẽ được thu gom định kỳ sau khi kết thúc đợt nuôi được hợp đồng với đơn vị thu mua thu gom trong trại và phân được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao). Sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi trong ngày, không để tồn đọng tại trại. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom thì lượng trấu và phân gà được lưu chứa tại trại; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không

phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ dự án thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

- Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hàng ngày sẽ được thu gom và lưu chứa trong kho chứa thức ăn, các bao bì đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

Tổng khối lượng bao bì phát sinh sau mỗi đợt nuôi được tính như sau:

Ta có lượng thức ăn sử dụng cho trong 01 ngày:

$$(100\text{g đến } 115 \text{ g/con} * 70.000 \text{ con}) / 1000 = 7.000 \text{ kg đến } 8.050 \text{ kg.}$$

Mỗi bao thức ăn có trọng lượng 25 kg.

Số bao thức ăn phát sinh trong 1 ngày khoảng:

$$(7.000\text{kg đến } 8.050\text{kg}) / 25\text{kg} = 280 \text{ bao đến } 322 \text{ bao/01 ngày.}$$

Mỗi đợt nuôi kéo dài 45 ngày, tổng số lượng bao thức ăn phát sinh sau mỗi đợt nuôi là:

$$(280 \text{ bao đến } 322 \text{ bao/01 ngày}) * 45 \text{ ngày} = 12.600 \text{ đến } 14.490 \text{ bao/đợt nuôi.}$$

Mỗi bao thức ăn nặng khoảng 0,1 kg, như vậy khối lượng bao thức ăn sau mỗi đợt sẽ là:

$$(12.600 \text{ đến } 14.490 \text{ bao/đợt nuôi}) * 0,1\text{kg} = 1.260 \text{ đến } 1.449 \text{ kg/đợt nuôi} \\ = \mathbf{1,26 \text{ đến } 1,449 \text{ tấn/đợt nuôi.}}$$

- Bùn từ hầm ủ biogas: Sẽ được chủ dự án sử dụng bón phân cho cây trồng trong khuôn viên dự án.

- Xác gà chết không do dịch bệnh: Chủ dự án bố trí khu vực chôn xác gà chết không do dịch bệnh với diện tích khu vực là 50m² (mỗi hố chôn có kích thước là sâu 1,5m x rộng 1,5m x dài 2m).

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 09m². Kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa 50 lít có nắp đậy. Kho chất thải nguy hại, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ

thuật đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các chai lọ đựng vắc - xin, thuốc thú y, kim tiêm sẽ được công ty cung cấp thuốc thu gom lại theo định kỳ để xử lý. Các chất thải nguy hại còn lại chủ dự án sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, xử lý khi đủ số lượng theo quy định.

Đối với xác gà chết do dịch bệnh: Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh, chủ dự án thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch, chủ dự án sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy. Theo khuyến cáo của OIE và FAO nên ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy ngay tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch để hạn chế việc vận chuyển xác gà đi xa khiến virus phát tán ra ngoài môi trường ảnh hưởng tới các khu chăn nuôi an toàn khác. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 1000 m², diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

- + Số lượng tối đa gà có trong trại 70.000 con.
- + Trọng lượng tối đa 01 con gà: 2,1 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: $70.000 \times 2,1 = 147.000 \text{ kg} = 147 \text{ tấn}$.
- + Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn gà: sâu 2m x rộng 2m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn gà là: $2 \times 2 = 4 \text{ m}^2$.
- + Vậy diện tích cần chôn gà chết do dịch bệnh: $147 \text{ tấn gà} \times 4 \text{ m}^2 = 588 \text{ m}^2$.
- + Do đó chủ trang trại bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 1000 m².
- + Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xác gà xuống hố, phun thuốc sát

trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

Bảng 5. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

ST T	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	10 kg/năm	Từ quá trình chăm sóc, tiêm ngừa, chữa bệnh gia cầm
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	0,1 kg/năm	Từ quá trình tiêm ngừa, chữa bệnh
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	02 lít/năm	Cặn dầu từ máy phát điện dự phòng
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	Thắp sáng đường, chuồng nuôi, các đầu trại
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,2 kg/năm	Từ quá trình bảo dưỡng thiết bị
6	Xác gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 147 tấn	Từ quá trình chăn nuôi

(Nguồn: Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy, 2023)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn và độ rung, nhà chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Đối với phương tiện vận chuyển:

+ Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

+ Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn.

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh.

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Khu vực đặt máy phát điện được che chắn cẩn thận hạn chế tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

+ Đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về tiếng ồn trong quá trình hoạt động

+ Lắp pô giảm âm thanh cho máy phát điện; Máy được đặt trên các tấm đệm lót chống rung.

+ Máy phát điện được đặt ở khu vực riêng và được định kỳ bảo dưỡng cẩn thận

Ngoài ra, để hạn chế phát sinh tiếng ồn tại khu vực cơ sở, chủ cơ sở tiến hành trồng cây xanh xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải:

Chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra quá trình hoạt động của Tủ ủ biogas. Về việc tập huấn các kiến thức về xử lý, ứng phó sự cố sẽ do đơn vị thi hàm ủ Biogas hướng dẫn và tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Kiểm tra ao sinh học: Công nhân phụ trách môi trường của cơ sở thường xuyên kiểm tra ao sinh học, nếu nước trong các ao này có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng thì sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Bón vôi hay zeolite vào Ao sinh học để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải.

+ Ao sinh học tại Cơ sở được xây dựng với bờ bao có cao độ 1,5m so với mặt bằng chung của khu vực nên có khả năng chống ngập lụt khá tốt. Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ các ao sinh học bị tràn

nước: Công nhân làm việc tại cơ phải thường xuyên kiểm tra các ao sinh học tại cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy ao có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước từ các ao sinh học chảy tràn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải:

a) Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Trong quá trình hoạt động, chất thải rắn chăn nuôi phát sinh chủ yếu là phân gà và trấu với khối lượng khoảng 30 tấn/đợt nuôi, lượng chất thải rắn chăn nuôi này được chủ cơ sở thu gom đóng bao và bán toàn bộ cho các đơn vị thu mua. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom thì lượng trấu và phân gà được lưu chứa tại trại; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ dự án thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

b) Chất thải nguy hại:

Kho chất thải nguy hại của trang trại có diện tích 09m², được xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Kho chất thải nguy hại của trang trại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu dùng khi xảy ra các sự cố, cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;
- Có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:

a) Phòng ngừa dịch bệnh:

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016.

Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc và phải xịt khử khuẩn trước, sau khi ra vào các dãy chuồng.

Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.

Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 01 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 01 lần/02 tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên gà 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.

Thường xuyên vệ sinh khu vực nuôi, phun các chế phẩm để xử lý ruồi như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC,... tần suất 02 lần/tuần trong suốt thời gian đợt nuôi (12 tháng); bố trí hệ thống sát trùng khu vực ra vào trại.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ chuồng trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 02 tuần/lần. Phương tiện vận chuyển ra vào trại phải được phải được khử trùng.

b) Phương án ứng phó khi có dịch bệnh:

Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở sẽ thông báo cho ngành thú ý ở địa phương. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương tiến hành tiêu hủy toàn bộ số gà bị mắc bệnh. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016.

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống đối diện của cơ sở với diện tích khoảng 1000 m², diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

+ Số lượng tối đa gà có trong trại 70.000 con.

+ Trọng lượng tối đa 01 con gà: 2,1 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: $70.00 \times 2,1 = 147.000 \text{ kg} = 147 \text{ tấn}$.

+ Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn gà: sâu 2m x rộng 2m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn gà là: $2 \times 2 = 4 \text{ m}^2$.

+ Vậy diện tích cần chôn gà chết do dịch bệnh: $147 \text{ tấn gà} \times 4 \text{ m}^2 = 588 \text{ m}^2$.

+ Do đó chủ trang trại bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 1000 m^2 .

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xác gà xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sục, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

+ Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 02 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%.

6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo phòng chống cháy nổ. Cụ thể như sau:

- Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa. Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong các kho thức ăn, phế liệu bao bì,... các nơi dễ sinh cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn điện năng đối với các thiết bị sử dụng điện.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

+ Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

+ Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Không có

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không có

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

a) Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của cơ sở (từ quá trình vệ sinh 05 dãy trại sau mỗi đợt nuôi)
- Nguồn 2: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân, người lao động tại trang trại.

b) Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn số 01: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 03 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 0,5 m³/ngày đêm.

c) Dòng nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải chăn nuôi sau quá trình xử lý bằng hệ thống Biogas, được khử trùng và xả ra nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi tiếp giáp cơ sở.

Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải chăn nuôi sau xử lý sẽ đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

Bảng 6. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/L	100
3	COD	mg/L	300
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	150
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/L	150
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

- Dòng số 02: Nước thải sinh hoạt sau quá trình xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn kết hợp chế phẩm sinh học được xả vào Ao cá 01 nằm trong khuôn viên của trang trại.

Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

Bảng 7. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/L	50
3	TSS	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000
5	Sunfua	mg/L	4.0
6	Amoni	mg/L	10
7	Nitrat	mg/L	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100m l	5.000

d) Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng số 01:

+ Vị trí xả thải: Tại ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰): X = 1063006; Y = 0540877.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Kênh thủy lợi

- Dòng số 02:

+ Vị trí xả thải: Tại ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 6°): X = 1063521; Y = 0540235.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Ao cá trong khuôn viên cơ sở.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Nguồn phát sinh khí thải: khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng. Thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO₂, CO; nguồn ô nhiễm này ở dạng phát tán nên cơ sở không đề xuất cấp phép đối với nội dung này.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng khi hoạt động (khi cơ sở bị mất điện).

- Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 6°): X = 1067218; Y = 0540564.

- Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung: đảm bảo đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 8. Giới hạn tiếng ồn, độ rung

ST T	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ – 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT – Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT – Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:

a) Chất thải sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh phát sinh tại cơ sở 3,2 kg/ngày được chủ cơ sở để thu gom vào 02 thùng rác 50 lít tập kết tại cổng của cơ sở vào mỗi buổi chiều và hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển đi xử lý.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn chăn nuôi) phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở chủ yếu gồm: phân gà, bao bì đựng thức ăn,... Đối với từng loại chất thải rắn chăn nuôi, chủ trang trại sẽ có biện pháp xử lý đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 9 Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

ST T	Chủng loại	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Phân gà và sơ dừa	30 tấn/đợt nuôi	Được thu gom cho vào bao (mỗi bao khoảng 15 – 20 kg) và bán cho các đơn vị thu mua
2	Bao bì đựng thức ăn	1,26 đến 1,449 tấn/đợt nuôi	Được thu gom và chứa vào kho của cơ sở, các bao đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.
3	Xác gà chết không do dịch	1,47 tấn/đợt nuôi	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Hố chôn có diện tích 50 m ² .
4	Bùn phát sinh từ Túi ủ Biogas	01 kg/năm	Được tận dụng để bón cho cây trồng trong khuôn viên của trang trại

c) Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại chủ yếu là chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y, kim tiêm, nhớt thải từ máy phát điện dự phòng, xe vận chuyển, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải và xác gia cầm chết do dịch (trường hợp có dịch bệnh xảy ra). Chủ trang trại sẽ có biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 10. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

ST T	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	10 kg/năm	Chủ trang trại sẽ tiến hành thu gom và lưu trữ trong 03 thùng nhựa loại 100 lít/thùng, có dán nhãn và lưu chứa tại Kho chất thải nguy hại có diện tích 09 m ² . Chủ trang trại sẽ hợp đồng với các đơn vị chức năng để tiến hành thu gom, xử lý định kỳ 01 lần/năm theo đúng quy định của pháp luật.
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	0,1 kg/năm	
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	02 lít/năm	
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,2 kg/năm	
6	Xác gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 147 tấn	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Hồ chôn có diện tích 1.000 m ² được bố trí ở khu đất trống cơ sở.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc đối với không khí theo chương trình giám sát

Cơ sở đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; theo nội dung được cấp và điều chỉnh không thực hiện quan trắc đối với nước thải. Vì vậy, chủ cơ sở lấy kết quả quan trắc không khí định kỳ năm 2022, 2023.

Kết quả phân tích được thể hiện như sau:

Bảng 11. Chất lượng không khí tại cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013 QCVN 06:2009
			30/6/2022	13/12/2022	06/7/2023	
1	SO ₂	µg/m ³	0,096	0,089	0,091	0,35
2	CO	µg/m ³	<6	<6	<6	30
3	NO ₂	µg/m ³	0,084	0,072	0,073	0,2
4	H ₂ S	µg/m ³	KPH	KPH	KPH	0,042
5	NH ₃	µg/m ³	0,067	KPH	KPH	0,2

(Nguồn: Công ty CP DV TV môi trường Hải Âu)

Từ bảng kết quả phân tích các mẫu nước thải trên, ta thấy đa số các chỉ tiêu về nước thải chăn nuôi của cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của trang trại, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Chủ cơ sở sẽ tiến hành vận thành thử nghiệm đối với hệ thống biogas của cơ sở.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 12. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Mục đích	Thời gian	Công suất xử lý
1	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm	Ngày 01/06/2024	100% lượng nước thải chăn nuôi phát sinh
2	Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm	Ngày 03/07/2024	100% lượng nước thải chăn nuôi phát sinh

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải trước khi thực hiện việc xả thải ra ngoài môi trường như sau:

Bảng 13. Dự kiến thời gian lấy mẫu

STT	Mục đích	Thời gian	Tần suất
1	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải	30 ngày (từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024)	Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải); thông số theo quy định.
2	Giai đoạn đánh giá hiệu quả trong giai	03 ngày (01/07/2024 đến	Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần

STT	Mục đích	Thời gian	Tần suất
	đoạn vận hành ổn định	ngày 03/07/2023)	(đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); thông số quan trắc thực hiện theo quy định.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải như sau:

Bảng 14. Kế hoạch lấy và phân tích mẫu nước thải

T T	Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Thông số đánh giá	Số lượng mẫu	Thời gian
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất xử lý của công trình xử lý nước thải			
1	Đầu vào (01 mẫu/ngày) (tại hố ga thu gom)	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliform	3	- Ngày 01/06/2024 - Ngày 16/06/2024
2	Đầu ra (01 mẫu/ngày) (tại vị trí hố ga thu mẫu)		3	- Ngày 30/06/2024
II	Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn hệ thống vận hành ổn định			
1	Đầu vào (01 mẫu/ngày)	pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliform	1	- Ngày 01/07/2024
2	Đầu ra (01 mẫu/ngày)		3	- Ngày 01/07/2024 - Ngày 02/07/2024 - Ngày 03/07/2024

Ghi chú:

- QCVN so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

- Mẫu: Mẫu tổ hợp, được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối), sau đó được trộn đều với nhau.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trang trại chăn nuôi gà thịt Nguyễn Văn Huy dự kiến sẽ phối hợp với

công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án.

Đơn vị phải có chức năng thực hiện các hoạt động về quan trắc, phân tích các dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung ứng các dịch vụ, kỹ thuật về tài nguyên và môi trường. Trung tâm có đủ điều kiện và chức năng thực hiện quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc môi trường

Cơ sở không thuộc trường hợp phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020, khoản 1 Điều 97 và khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, để đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường chủ cơ sở xin tự đề xuất chương trình quan trắc của cơ sở, cụ thể như sau:

2.1. Quan trắc nước thải

- Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ (theo N), tổng Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại vị trí Hồ ga thu mẫu trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là kênh kênh thủy lợi.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

2.2. Quan trắc nước mặt

- Thông số: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, tổng Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại vị trí trên kênh thủy lợi tiếp giáp cơ sở.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Cột B₁.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chủ cơ sở bố trí kinh phí thực hiện công việc giám sát chất lượng môi trường, kinh phí giám sát tính theo quy định hiện hành. Kinh phí giám sát môi trường dự kiến như sau:

Bảng 15. Tổng kinh phí giám sát môi trường

ST T	Thành phần	Số mẫu giám sát	Tần số giám sát (lần/năm)	Thành tiền (đồng)
1	Giám sát nước thải	02	02	7.000.000VNĐ
2	Giám sát nước mặt	02	02	9.000.000VNĐ

**CHƯƠNG VII.
KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần nhất (2021 và 2022), tại cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Chủ cơ sở cam kết thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn chăn nuôi đúng theo quy định của pháp luật; thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo.

- Thực hiện việc đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường khi triển khai dự án.

- Cam kết nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan.

Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường như:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường được phê duyệt.

+ Sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại.

+ Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, nước thải trong quá trình hoạt động của Trang trại.

+ Thực hiện các biện pháp phân loại, thu gom, lưu trữ, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

+ Cam kết thu gom và xử lý triệt để chất thải nguy hại như: gà bệnh, gà chết, các lọ vaccine, ống tiêm, kim tiêm vaccine sau khi sử dụng.

+ Cam kết sau khi hầm ủ biogas đầy, cơ sở tự xử lý trả lại trạng thái ban đầu, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ;
- Sơ đồ mặt bằng của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước mưa của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước thải của trang trại;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Quyết định phê duyệt ĐTM, xác nhận giấy phép môi trường và các văn bản liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Nguyễn Văn Huy

Năm sinh: 1979 CMND số: 365369126

Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

BA 316441

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 254, tờ bản đồ số: 4
b) Địa chỉ: ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
c) Diện tích: 11782 m², Mười một nghìn bảy trăm tám mươi hai mét vuông.
d) Hình thức sử dụng: riêng 11782m², chung Không
đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác (NKH)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2013.
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

Thửa đất có 90 m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường 939.

Châu Thành, ngày 07 tháng 01 năm 2012.

TM. UBND HUYỆN CHÂU THÀNH

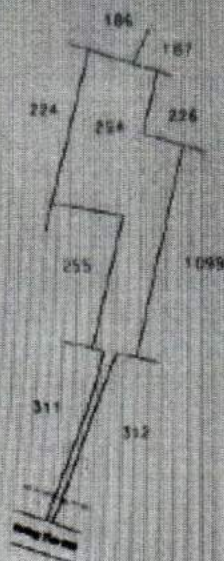
CHỦ TỊCH



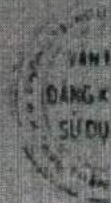
CHAI THUA VƯƠNG

Số vào sổ cấp GCN: CH00025

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ Lệ 1/5000



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đã thế chấp bằng QSD đất tại Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín - số giao dịch Sóc Trăng, theo hồ sơ số 427 ngày 22 tháng 10 năm 2010. Thời hạn sử dụng đất được tính đến ngày 15/10/2063	Châu Thành, ngày 22/10/2010 Văn phòng ĐKQSD đất Giám Đốc Châu Thành, ngày 02/7/2014 Q. Giám Đốc Phạm Văn Nghệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

L Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: NGUYỄN VĂN HUY

Năm sinh: 1979, CMND số: 365369126

Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Và bà: NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP

Năm sinh: 1984, CMND số: 365504008

Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

CE 292409

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 1099, từ bản đồ số: 04
b) Địa chỉ: ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
c) Diện tích: 5389,1m², (bằng chữ: Năm nghìn ba trăm tám mươi chín phẩy một mét vuông).
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063.
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

Sóc Trăng, ngày 11.. tháng 01.. năm 2017

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

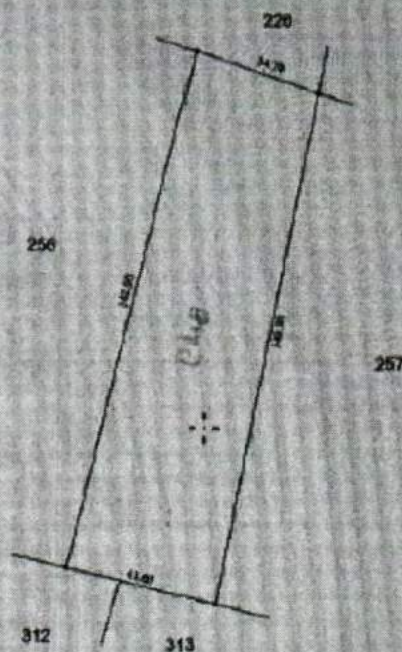
THỦ GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS03600

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển mục đích sử dụng từ Đất chuyên trồng lúa nước thành Đất nông nghiệp khác, theo hồ sơ số CS03600.CM.002. Diện tích sử dụng: 5389.1m². Thời hạn sử dụng: đến ngày 15/10/2063. Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất.	Châu Thành, ngày 10/8/2020 Giám Đốc <i>Phạm Văn Nghệ</i>

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HUY

ĐƯỜNG TÍNH 930

VĂN PHÒNG +
NHÀ ĂN

☒ GIẾNG

KHO
THỨC ĂN

KHO
CTNH

AO CÁ 01

TRẠI 01 ☒

AO CÁ 02

TRẠI 02 ☒

AO CÁ 03

TRẠI 03 ☒

AO CÁ 04

TRẠI 04 ☒

TRẠI 05 ☒

HÀM
BIOGAS

NT

AO
SINH
HỌC

HÀM
BIOGAS

GHI CHÚ:
THU GOM NƯỚC THẢI ☒

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HUY

ĐƯỜNG TỈNH 930

VĂN PHÒNG +
NHÀ ĂN

GIẾNG

KHO
THỨC ĂN

KHO
CTNH

AO CÁ 01

TRẠI 01

AO CÁ 02

TRẠI 02

AO CÁ 03

TRẠI 03

AO CÁ 04

TRẠI 04

TRẠI 05



HÀM
BIOGAS

NT

AO
SINH
HỌC

HÀM
BIOGAS

GHI CHÚ:
HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC THẢI →

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC MƯA
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HUY

ĐƯỜNG TỈNH 930

VĂN PHÒNG +
NHÀ ĂN

GIẾNG

KHO
THỨC ĂN

KHO
CTNH

AO CÁ 01

TRẠI 01

AO CÁ 02

TRẠI 02

AO CÁ 03

TRẠI 03

AO CÁ 04

TRẠI 04

TRẠI 05

HÀM
BIOGAS

NT

AO
SINH
HỌC

HÀM
BIOGAS

GHI CHÚ:

HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC MƯA →

SƠ ĐỒ GIÁM SÁT
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HUY

ĐƯỜNG TỈNH 930

VĂN PHÒNG +
NHÀ ĂN

GIẾNG

KHO
THỨC ĂN

KHO
CTNH

AO CÁ 01

TRẠI 01

AO CÁ 02

TRẠI 02

AO CÁ 03

TRẠI 03

AO CÁ 04

TRẠI 04

TRẠI 05

HÀM
BIOGAS

NT

AO
SINH
HỌC

HÀM
BIOGAS

GHI CHÚ:

VỊ TRÍ GIÁM SÁT

NT

PPT/Số: HA.22.03354.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HUY**
 Ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.22.03354.01	Tại khu vực cổng trại của cơ sở

3. Ngày lấy mẫu: 23/06/2022

Ngày trả kết quả: 30/06/2022

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện / Phạm vi đo
1	SO ₂ (*)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m ³
2	CO(*)	mg/m ³	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m ³
3	NO ₂ (*)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m ³
4	H ₂ S(*)	µg/m ³	MASA 701	MASA 701	7,5 µg/m ³
5	NH ₃ (*)	µg/m ³	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995	14,0 µg/m ³

5. Kết quả thử nghiệm:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	SO ₂	NO ₂	CO	H ₂ S	NH ₃
	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
HA.22.03354.01	0,096	0,084	<6	KPH	0,067
QCVN 05:2013/BTNMT	0,35	0,2	30	--	--
QCVN 06:2009/BTNMT	--	--	--	0,042	0,2
QCVN 03:2019/BYT	10	10	40	15	25

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thùy Diễm



P.Giám đốc

Phạm Bảo Quỳnh

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PKQ/Số: HA.22.06358.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HUY**

Ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.22.06358.01	Tại khu vực công trại của cơ sở

3. Ngày lấy mẫu: 06/12/2022

Ngày trả kết quả: 13/12/2022

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	SO ₂ (*)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m ³
2	CO(*)	mg/m ³	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m ³
3	NO ₂ (*)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m ³
4	H ₂ S(*)	µg/m ³	MASA 701	MASA 701	7,5 µg/m ³
5	NH ₃ (*)	µg/m ³	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995	14,0 µg/m ³

5. Kết quả thử nghiệm:

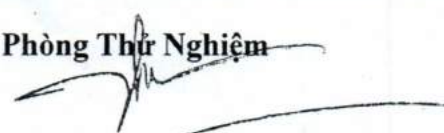
Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	SO ₂	NO ₂	CO	H ₂ S	NH ₃
	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
HA.22.06358.01	0,089	0,072	<6	KPH	KPH
QCVN 05:2013/BTNMT	0,35	0,2	30	--	--
QCVN 06:2009/BTNMT	--	--	--	0,042	0,2

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thị Trang



P. Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PKQ/Số: HA.23.05344.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TLT**
- Tên khách hàng: **TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT NGUYỄN VĂN HUY**
Ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.23.05344.01	Tại khu vực cổng trại của cơ sở

4. Ngày lấy mẫu: 29/06/2023

Ngày trả kết quả: 06/07/2023

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	SO ₂ (*)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m ³
2	CO(*)	mg/m ³	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m ³
3	NO ₂ (*)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m ³
4	H ₂ S(*)	µg/m ³	MASA 701	MASA 701	7,5 µg/m ³
5	NH ₃ (*)	µg/m ³	TCVN 5293:1995	TCVN 5293:1995	14,0 µg/m ³

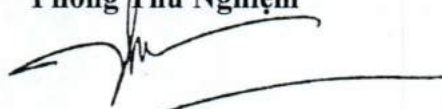
6. Kết quả thử nghiệm:

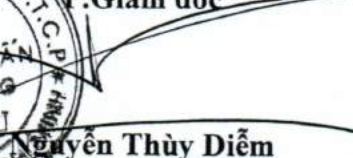
Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	SO ₂	NO ₂	CO	H ₂ S	NH ₃
	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
HA.23.05344.01	0,091	0,073	<6	KPH	KPH
QCVN 05:2013/BTNMT	0,35	0,2	30	--	--
QCVN 06:2009/BTNMT	--	--	--	0,042	0,2

Ghi chú: (*) Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất ô nhiễm trong không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P. Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại
chăn nuôi gà Trường Thịnh của ông Nguyễn Văn Huy.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường, ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP, ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc
hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo Biên bản số 10/BB.HĐTĐ, ngày 07/5/2010 của Hội đồng thẩm định
báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại
chăn nuôi gà Trường Thịnh của ông Nguyễn Văn Huy đã được Hội đồng thẩm định
báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh thông qua tại Biên bản số 10/BB.HĐTĐ,
ngày 07/5/2010 và những nội dung bổ sung theo yêu cầu.

Điều 2. Ông Nguyễn Văn Huy có trách nhiệm thực hiện đúng những nội
dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc
sau đây:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, xử lý khí thải, tiếng ồn
theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 24:2009/BTNMT-
Cột B) trước khi thải ra môi trường.

- Đối với chất thải nguy hại phải thực hiện đúng quy định theo Thông tư số
12/2006/TT-BTNMT, ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng
dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số
quản lý chất thải nguy hại và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT, ngày
26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục chất thải
nguy hại.

- Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, chương trình
giám sát môi trường đúng theo nội dung báo cáo được phê duyệt và có trách nhiệm
báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước chức năng.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc trên là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường kiểm tra việc bảo vệ môi trường tại Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh của ông Nguyễn Văn Huy.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, ông Nguyễn Văn Huy phải báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát việc bảo vệ môi trường tại Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh của ông Nguyễn Văn Huy.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và ông Nguyễn Văn Huy căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu: KT, HC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thành Nghiệp

Số: 803 /GXN-STNMT

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 7 năm 2013

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của “Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh” của Ông Nguyễn Văn Huy

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP, ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT, ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 40/2008/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của “Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh” thực hiện vào ngày 10/7/2013;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

XÁC NHẬN

Điều 1. Ông Nguyễn Văn Huy đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh sau đây:

1. Đã đầu tư, đưa vào sử dụng hệ thống thu gom nước thải từ vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi qua bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 4 m³ kết hợp với ao sinh học để xử lý nước thải chăn nuôi đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;

2. Có đầu tư xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân trước khi thải ra ao sinh học trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;

3. Có trang bị thùng chứa rác thải sinh hoạt và thu gom, thiêu hủy tại trang trại; chất thải nguy hại được thu gom lưu chứa trong kho và có đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại;

4. Có che chắn phía sau quạt hút, trồng cây xung quanh chuồng trại để hạn chế phát tán mùi hôi;

5. Các công trình bảo vệ môi trường đã thực hiện có thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; những nội dung thay đổi được điều chỉnh tại Công văn số 353/ HĐTD-MT ngày 19 tháng 5 năm 2011 và số 789/ STNMT-BVMT ngày 15 tháng 7 năm 2013.

Điều 2. Ông Nguyễn Văn Huy có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu, bắt buộc sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành;

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật;

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành;

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình hoạt động và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành,

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Phòng PC49;
- Phòng TNMT Châu Thành;
- Lưu: VP, CCBVMT,

[Signature]

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



[Signature]
ThS. Trần Văn Thanh

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 789/STNMT-BVMT
V/v điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá
tác động môi trường của Trang trại chăn
nuôi gà Trường Thịnh

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 7 năm 2013

Kính gửi: Ông Nguyễn Văn Huy, Chủ Trang trại
chăn nuôi gà Trường Thịnh

Căn cứ Quyết định số 937/QĐHC-CTUBND, ngày 01/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐHC-CTUBND, ngày 08/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ủy quyền Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh Sóc Trăng xử lý một số nội dung điều chỉnh, bổ sung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án được phê duyệt;

Qua xem xét đề nghị của Chủ Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh tại báo cáo số 02/BC-MT, ngày 20/06/2013 về việc đề nghị điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh,

Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh Sóc Trăng có ý kiến sau:

Chấp thuận cho Chủ Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể:

1. Tạm thời chưa đầu tư xây dựng kho chứa phân gà, tuy nhiên chủ trang trại chịu trách nhiệm thu gom, xử lý triệt để lượng phân gà phát sinh sau mỗi đợt nuôi.

2. Chủ Trang trại chăn nuôi gà Trường Thịnh có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ nội dung điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm khi để phát sinh ô nhiễm mùi hôi, ruồi cho khu vực xung quanh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Sở, PC49;
- Phòng TNMT Châu Thành;
- Lưu: VT, CCBVMT.

[Chữ ký]



Trần Văn Thanh
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 508/CV. HC

"V/v chấp thuận hộ Nguyễn Văn
Huy đầu tư chăn nuôi công
nghiệp trên địa bàn huyện".

Châu thành, ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Kính gửi: Ông Nguyễn Văn Huy: ấp Đông Hải, xã Đại Hải,
huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Quyết định số: 3065/2005/QĐ-BNN, ngày 07/11/2005 của Bộ Nông
nghiệp - PTNT ban hành quy định về điều kiện chăn nuôi, ấp trứng, vận chuyển, giết
mổ, buôn bán gia cầm và sản phẩm gia cầm;

Xét Tờ trình số: 69/ĐN.NN-PTNT, ngày 26/11/2009 của Phòng NN & PTNT
huyện Châu Thành V/v chấp thuận cho ông Nguyễn Văn Huy được đầu tư chăn nuôi
công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành.

Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành có ý kiến như sau:

Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành thống nhất ông Nguyễn Văn Huy, ấp Đông
Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đầu tư chăn nuôi công nghiệp trên địa
bàn huyện, cụ thể như sau

- **Hình thức chăn nuôi:** Chăn nuôi gia công gà đẻ hậu bị cho công ty Japla
- **Nguồn gốc con giống:** Do Công ty Japla cung cấp.
- **Tổng đàn chăn nuôi:** 36.000 con gà đẻ.
- **Hình thức xử lý chất thải:** Sau mỗi đợt xuất chuồng, phân gà được thu gom
vào nhà chứa phân, sau đó bán.
- **Tổng diện tích đất:** 6.925 m².
- **Địa điểm chăn nuôi:** Trên 01 thửa đất 254, TĐĐ số 04; diện tích: 6.925 m², tọa
lạc tại ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

* Ông Nguyễn Văn Huy có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục về chăn
nuôi, thực hiện vệ sinh thú y, cam kết vệ sinh môi trường và xin cấp phép xây dựng
theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên
- Phòng Nông nghiệp;
- Trạm Thú y;
- UBND xã An Ninh;
- Phòng TNMT
- Lưu...M1/phongticpdan/PTN

TM. UBND HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Số: 04 /GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 07 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 01/NTC ngày 02/02/2023 của Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 165/TTr-TNMT ngày 26 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền, địa chỉ tại ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền có địa chỉ tại ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án: Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 1099, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- 1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi gia cầm.
- 1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:
 - Tổng diện tích là 5.389,1 m².
 - Quy mô: 02 trại chăn nuôi gà thịt.
 - Công suất: 108.000 con gà thịt/năm (1,5 tháng/đợt nuôi).

- Dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và dự án có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 7 năm 2023 đến ngày 27 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã An Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./716-

Nơi nhận: *ke*

- Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền;
- Sở TN&MT tỉnh;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã An Ninh;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thg.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Kí. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Hào



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 04 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân huyện Châu Thành

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, người lao động tại cơ sở với lưu lượng khoảng $0,32 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của cơ sở khoảng $8 \text{ m}^3/\text{ngày/đợt}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao chứa nước sau đó thoát vào kênh nội đồng - ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại Ao chứa nước - ấp Kinh Mới, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 6°): X=540877; Y=1063006.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý chảy qua hệ thống dẫn đến ao chứa nước sau đó thoát vào kênh nội đồng theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, (cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	5,5 đến 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	100		
3	COD	mg/l	300		
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	150		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	150		
6	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích là 7 m^3 được thu gom bằng ống nhựa uPVC có đường kính $\varnothing 114 \text{ mm}$ sau đó được xử lý tại ao nuôi cá trước khi thoát vào khu vực xung quanh.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi chảy vào hệ thống rãnh thu gom bằng bê tông có chiều dài khoảng 120m, đường kính 300mm. Tổng chiều dài của hệ thống thu gom nước thải là 120m và chảy vào túi ủ Biogas có bộ phận tách 03 pha: khí biogas, nước thải và bùn kỵ khí. Thể tích hầm chứa túi ủ Biogas: $10 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1 \text{ m} = 20 \text{ m}^3$, với thể tích của túi ủ Biogas là 20 m^3 có khả năng lưu chứa và xử lý khoảng hơn 45 ngày. Nước thải xử lý chỉ là nước vệ chuồng trại do đó khí gas phát sinh không nhiều và được xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ Xử lý qua hầm tự hoại $\rightarrow$ Ao nuôi cá tiếp tục xử lý $\rightarrow$ Ao chứa nước (ao sinh học) $\rightarrow$ Thoát vào kênh nội đồng.

+ Nước thải từ hoạt động chăn nuôi $\rightarrow$ Hệ thống rãnh thu gom $\rightarrow$ Túi ủ Biogas $\rightarrow$ Ao chứa nước (ao sinh học) $\rightarrow$ Thoát vào kênh nội đồng.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại có thể tích là 7 m^3 .

+ Túi ủ biogas có thể tích là 20 m^3 .

+ Ao chứa nước (ao sinh học)

- Hóa chất sử dụng: các loại thuốc sát trùng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Phòng ngừa, ứng phó sự cố túi ủ biogas: Thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống thoát nước thải và hầm ủ biogas để kịp thời khắc phục sự cố, tránh ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước thải của hệ thống và tránh tình trạng ứ đọng nước thải làm phát sinh mùi hôi. Chủ cơ sở cam kết trong thời gian khắc phục sự cố sẽ không để nước thải từ hầm biogas thoát ra môi trường.

Phòng chống dịch bệnh: Trong quá trình chăn nuôi giảm thiểu tích cực nhất về dịch bệnh là phòng chống bệnh cho gia cầm. Thông báo ngay với ngành

thú y địa phương, ngưng hoạt động xuất nhập vật nuôi đến khi dự án được cơ quan quản lý công bố hết dịch để hạn chế dịch bệnh lây lan ra các khu vực khác.

Phòng chống cháy nổ: Thường xuyên kiểm tra các kho chứa thức ăn, phế liệu bao bì; Thực hiện các biện pháp an toàn về điện.

Sự cố khi nước thủy triều lên: Có kế hoạch nâng cao nền tránh thủy triều dâng ảnh hưởng đến việc chăn nuôi; Thực hiện ngay gờ chắn ngăn nước thủy triều tràn vào chuồng trại, tăng cường phun xịt khử khuẩn khu vực chuồng trại. Trường hợp bất khả kháng, Chủ hộ ngưng chăn nuôi khi thủy triều lên đến mức không thể khắc phục để đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, dự kiến từ tháng 07/2023 - 09/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.2. Thực hiện kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận thông qua việc thực hiện quan trắc nước thải định kỳ 6 tháng/lần.

3.3. Chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước.

3.4. Hộ chăn nuôi gà Thu Hiền chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 024 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Các phương tiện giao thông ra vào trại.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

- Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 04/GPMT-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
1	Chai, lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	Rắn	10 kg/năm	Từ quá trình chăm sóc, tiêm ngừa, chữa bệnh cho gà
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	Rắn	0,1 kg/năm	
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	Rắn	2 kg/năm	Thấp sáng khu nhà ở, kho, đường, trại nuôi
5	Các bao bì, thùng chứa hóa chất khử trùng, sát trùng	14 02 02	Rắn	5 kg/năm	Sát trùng vật nuôi/chuồng trại
Tổng				17,1	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng
1	Khối lượng bao bì đựng thức ăn	164,25 kg/đợt nuôi
2	Phân gà + trấu lót nền	57 tấn/đợt nuôi
3	Xác gà chết không do dịch bệnh	7,2 kg/đợt nuôi

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	3,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

4. Trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ cơ sở báo cáo kịp thời với cơ quan có chức năng tại địa phương để phối hợp xử lý theo quy định nhằm ngăn ngừa dịch bệnh và các chất ô nhiễm phát tán ra môi trường xung quanh, hạn chế gây ô nhiễm môi trường và lây lan dịch bệnh.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 04 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 cấp cho UBND nhân dân huyện Châu Thành)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện các biện pháp hạn chế, giảm thiểu mùi hôi phát sinh trong quá trình hoạt động, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.